|  |  |
| --- | --- |
| BỘ MÔN: TIN HỌC  KHỐI LỚP: 12  TUẦN: 13- 14/HK1 (từ 29/11/2021 đến 10/12/2021) |  |

**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

1. **Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:**

* Nội dung 1: Nắm được các thao tác cơ bản trên bảng: cập nhật dữ liệu (thêm, sửa, xóa bản ghi), sắp xếp (tăng, giảm theo trường), lọc dữ liệu. Biết cách in dữ liệu từ bảng. Tham khảo SGK trang 42-47.
* Nội dung 2: Thực hiện được các thao tác tạo sơ sở dữ liệu, tạo liên kết và cập nhật dữ liệu (thêm, sửa, xóa bản ghi), sắp xếp (tăng, giảm theo trường), lọc dữ liệu. Thực hiện theo yêu cầu của bài thực hành 3.
* Nội dung 3: Tìm hiểu khái niệm biểu mẫu, cách tạo biểu mẫu và các chế độ làm việc với biểu mẫu.
* Nội dung 4: Thực hiện tạo biểu mẫu qua bài tập thực hành 4.
* Tham khảo thêm clip bài giảng:

<https://youtu.be/SXhH-o-TESI>

<https://youtu.be/f-F21xIbl74>

1. **Kiến thức cần ghi nhớ:**

### BÀI 5: CÁC THAO TÁC CƠ BẢN TRÊN BẢNG

1. **Cập nhật dữ liệu:**

Cập nhật dữ liệu là thay đổi dữ liệu trong các bảng gồm: thêm bản ghi mới, chỉnh sửa, xóa bản ghi.

*a. Thêm bản ghi mới:*

Để nhập dữ liệu cho bảng, trước hết phải mở bảng ở chế độ **Datasheet View**.

* + - * + Trong cửa sổ Database chọn **Object Table** → chọn bảng muốn nhập hoặc sửa dữ liệu → click phải chọn **Open**. Hoặc double click vào tên bảng muốn mở. o Bảng được mở ở chế độ nhập liệu (chế độ Datasheet view).
        + Mặc định, luôn có một dòng rỗng để nhập Record mới ở cuối bảng.
        + Khi nhập dữ liệu phải nhập theo từng Record, dữ liệu nhập vào phải thỏa mãn các thuộc tính của bảng và thuộc tính của Field khi thiết kế bảng. Nếu dữ liệu không thỏa mãn thì Access sẽ thông báo lỗi.
    1. *Chỉnh sửa*

Để chỉnh sửa giá trị của một bản ghi ta chỉ cần nháy chuột vào ô chứa dữ liệu tương ứng và thực hiện các thay đổi cần thiết.

* + 1. *Xóa bản ghi*

Nháy phải chuột vào ô đầu dòng bản ghi, chọn Delete Record

1. **Sắp xếp và lọc:**

a. *Sắp xếp*: Access cho phép sắp xếp thứ tự các bản ghi khác với thứ tự mà chúng được nhập.

Thực hiện sắp xếp:

* + - * + Đặt trỏ tại Field chứa dữ liệu cần sắp xếp.
        + Click nút **Sort Ascending** (sắp xếp tăng dần) / **Sort Descending** (sắp xếp giảm dần) trong nhóm lệnh Sort & Filter trên thanh Ribbon.

*b. Lọc ( HS tự nghiên cứu)*

Lọc cho phép tìm ra một số bản ghi thỏa mãn một số điều kiện nào đó.

 Lọc theo dữ liệu đang chọn (**Filter by selection):**

Filter by selection giúp bạn chọn ra những Record dựa trên một giá trị hiện hành. Cách thực hiện:

* + - * + Đặt trỏ tại Field chứa giá trị lọc, chọn giá trị làm điều kiện lọc.
        + Click nút lệnh **Seletion** trong nhóm lệnh **Sort&Filter** trên thanh Ribbon.
        + Chọn một trong các lệnh trong menu:

**Equals …:** Lọc các Records có giá trị bằng với giá trị được chọn.

**Does Not Equal…:** Lọc các Records có giá trị khác với giá trị được chọn.

**Contains …:** Lọc các Records chứa giá trị được chọn.

**Does Not Contains …:** Lọc các Records không chứa giá trị được chọn.

* + - * + Ngoài ra, cũng có thể lọc bằng cách click nút công cụ Selection Button bên phải tên Field.
        + Đánh dấu check vào giá trị làm điều kiện lọc.
        + Click **OK**.

 Lọc theo mẫu **(Filter by form)**:

**Filter by form** giúp bạn lọc bằng cách nhập giá trị lọc vào một dòng trên Datasheet.

Cách thực hiện: o Click nút Advanced trong nhóm lệnh Sort&Filter, chọn lệnh Filter By Form. o Chuyển dạng Datasheet của bảng thành một dòng trống và xuất hiện các nút Dropdown list trên mỗi Field cho phép chọn giá trị lọc.

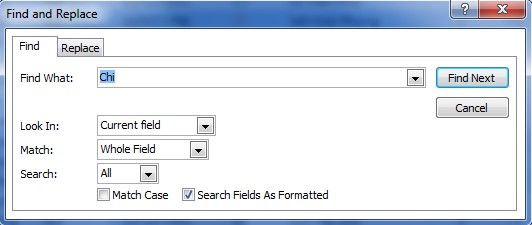
* + - * Nếu lọc theo nhiều giá trị thì click Tab Or và chọn giá trị làm điều kiện lọc tiếp theo.
      * Click nút Toggle Filter để thực hiện lọc.

 Lọc mở rộng (Advanced filter):

Chức năng **Advanced filter** cho phép lọc với nhiều điều kiện ở nhiều Field khác nhau. Cách thực hiện:

o Click nút **Advanced**, chọn lệnh **Advanced Filter/Sort**, xuất hiện cửa sổ Filter, với các dòng:

* + - * + **Field:** Nhập tên các Field chứa điều kiện lọc.
        + **Sort:** Chọn kiểu sắp xếp (nếu có yêu cầu).
        + **Criteria:** Nhập điều kiện lọc. Nếu các điều kiện lọc ở các Field bắt buộc thỏa mãn đồng thời (và) thì các điều kiện phải được nhập trên cùng một dòng. Nếu các điều kiện không thỏa mãn đồng thời (hoặc) thì nhập trên khác dòng.

1. **Tìm kiếm đơn giản** (HS tự học)
   1. **Tìm kiếm:** 
      * + Để tìm một giá trị trong bảng ta click nút **Find** ở Tab **Home** trong nhóm lệnh **Find** trên thanh Ribbon.
        + Xuất hiện cửa sổ Find and Replace.
          - **Find What:** Nhập giá trị cần tìm.
          - **Look In:** Phạm vi tìm kiếm.
          - **Match**: Kiểu so

trùng giá trị cần tìm với giá trị trong ô.

* + - * + **Search:** Hướng tìm.
        + **Match Case:** Tìm phân biệt chữ hoa và chữ thường.
        + Click nút **Find Next** để thực hiện tìm kiếm, nếu tìm hết access sẽ cho xuất hiện hộp thông báo hoàn tất việc tìm kiếm.
  1. **Thay thế:** 
     + - * Trong cửa sổ **Find and Replace**, nếu muốn thay thế các giá trị được tìm thấy bằng một giá trị khác ta chọn Tab **Replace**.
         * **Replace With:** Nhập giá trị cần thay thế.
         * Click nút **Replace** để thay thế giá trị được tìm thấy hiện tại.

Click nút **Replace All** để thay thế toàn bộ các giá trị được tìm thấy.

1. **In dữ liệu:** Việc thiết đặt trang in và xem trước khi in tương tự như trong Microsoft Word.

**Bài tập và thực hành 3:**

**CÁC THAO TÁC CƠ BẢN TRÊN BẢNG**

**Bài 1: Khởi động Access, mở CSDL** đã tạo ở bài tập TH 2 là**: QL\_HOC\_SINH.accdb**a. Thêm vào các bản ghi sau:

Table

Description automatically generated

* + 1. Xóa bản ghi có MaSo là 19.
    2. Hiển thị các học sinh Nam trong lớp.
    3. Lọc ra danh sách các bạn chưa là Đoàn viên.
    4. Lọc ra danh sách các bạn có sinh nhật trong tháng 5.
    5. Tìm học sinh có điểm ba môn Toán, Lý, Hóa đều trên 7.5.
    6. Sắp xếp tên học sinh trong bảng HocSinh theo thứ tự bảng chữ cái.
    7. Sắp xếp điểm Toán theo thứ tự giảm dần để biết những bạn nào có điểm Toán cao nhất.
    8. Sắp xếp điểm Văn theo thứ tự tăng dần.
    9. Tìm trong bảng những học sinh có điểm trung bình một nào đó là 8.0.
    10. Thêm vào thuộc tính AV ( Điểm môn anh văn) và tự nhập dữ liệu cho thuộc tính này.

**Bài 2:** Mở CSDL **QL\_KINH\_DOANH**

Graphical user interface, application, table, Excel

Description automatically generatedNhập dữ liệu cho các bảng

KHACHHANG , MATHANG, HOADON như sau:

Lưu ý: Nhập hình ảnh của mặt hành trong trong thư mục D:\hinh

**Bài 3**

:

M

ở

CSDL :

**QL\_TOUR**

**.accdb**



Nh

ậ

p d

ữ

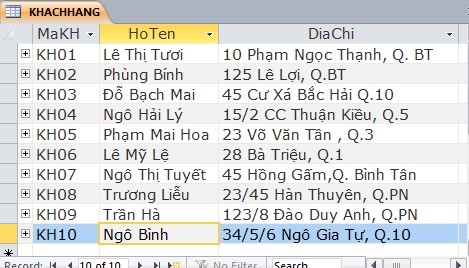
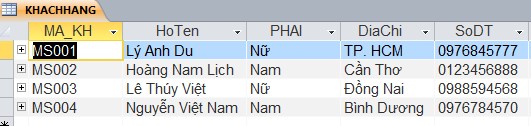
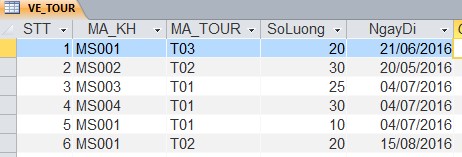
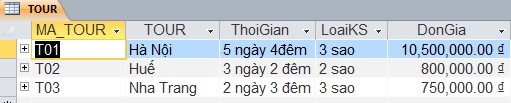
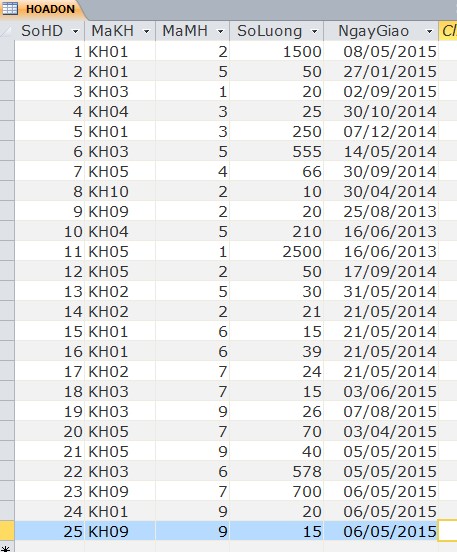
li

ệ

u cho

các table như sau

:



### BÀI 6. BIỂU MẪU

Graphical user interface, application

Description automatically generated

1. **Khái niệm**

Biểu mẫu (form) là một loại đối tượng trong CSDL Access được thiết kế để :

* Hiển thị **dữ liệu trong bảng** dưới dạng thuận tiện để **xem, nhập và sửa dữ liệu**.
* Thực hiện các thao tác thông qua **nút lệnh** (do người thiết kế tạo ra).

|  |  |
| --- | --- |
| **Bảng** | **Biểu mẫu** |
| Hiển thị **nhiều** bản ghi cùng lúc Hiển thị các trường trong **cùng một** bảng | Có thể hiển thị **từng** bản ghi  Hiển thị các trường từ **nhiều bảng** khác nhau  Để nhập dữ liệu cho 1 bảng có thể tạo **nhiều biểu mẫu** khác nhau phục cho nhóm người dùng có **quyền hạn khác nhau**. |

1. **Tạo biểu mẫu mới**



Trong cửa sổ làm việc của Access, trên thanh Ribbon, click Create

![Shape

Description automatically generated with low confidence](data:image/png;base64,iVBORw0KGgoAAAANSUhEUgAAAJwAAABvCAYAAAAZvqn6AAAAAXNSR0IArs4c6QAAAARnQU1BAACxjwv8YQUAAAAJcEhZcwAADsMAAA7DAcdvqGQAAAD4SURBVHhe7dTLCQMxEAVBrfPPeY1BCeyHxgNVl3cVopkFAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAQOXYe8e5d7onf8BFn73w934XbvKVm/7+kVw4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiN17L3j3Dvdkz/gIhcOAAAAAAAAAAAAAAAA4D1rfQFduAZ3cSL9OAAAAABJRU5ErkJggg==) *Cách 1: T*ự thiết kế  trong nhóm lệnh Forms Click vào Form Design

![Shape

Description automatically generated with low confidence](data:image/png;base64,iVBORw0KGgoAAAANSUhEUgAAAJwAAABvCAYAAAAZvqn6AAAAAXNSR0IArs4c6QAAAARnQU1BAACxjwv8YQUAAAAJcEhZcwAADsMAAA7DAcdvqGQAAAD4SURBVHhe7dTLCQMxEAVBrfPPeY1BCeyHxgNVl3cVopkFAAAAAAAAAAAAAAAAAAAAQOXYe8e5d7onf8BFn73w934XbvKVm/7+kVw4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiMlOFKCIyU4UoIjJThSgiN17L3j3Dvdkz/gIhcOAAAAAAAAAAAAAAAA4D1rfQFduAZ3cSL9OAAAAABJRU5ErkJggg==) *Cách 2: D*ùng thuật sĩ  trong nhóm lệnh Forms Click vào

Graphical user interface

Description automatically generated**Các bước tạo biểu mẫu bằng thuật sĩ.**

Bước 1: Click vào 

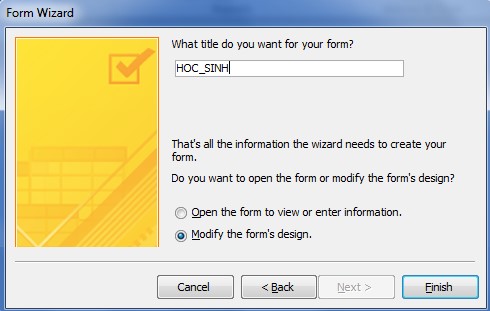
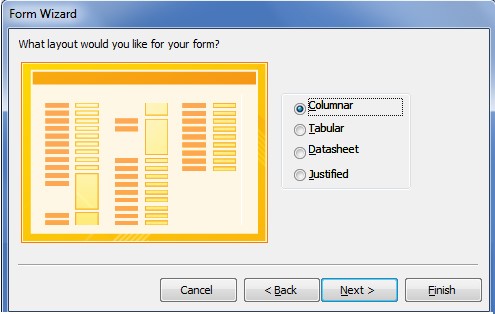
Bước 2:

Chọn nguồn dữ liệu cho biểu mẫu từ hộp thoại*Form Wizard.*

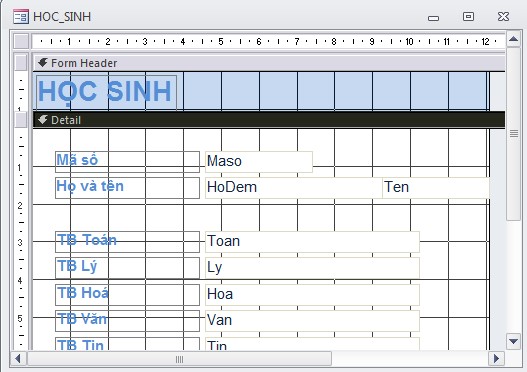
* Chọn bảng (hoặc mẫu hỏi) từ ô **Tables/Queries**;
* Chọn các trường đưa vào mẫu hỏi từ ô **Available Fields**;
* Nháy **Next** để tiếp tục.

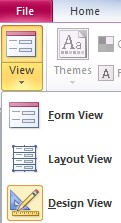
Bước 3: Chọn bố cục cho biểu mẫu  Next Bước 4: Nhập tiêu đề cho Form: HOC\_SINH

Chọn Modify the form’s designnháy **Finish**



Bước 5: Chỉnh sửa biểu mẫu thành dạng sau: Bước 6: Về chế độ Form View để nhập liệu

****

**3. Các chế độ làm việc với biểu mẫu:** Thường làm việc ở 3 chế độ.

* **Form View:** Thựchiện các thao tác trên dữ liệu thông qua Form.
* **Layout View:** Cho phép xem những gì trông giống Form nhưng có field và áp dụng định dạng.
* **Design View:** Cho phép tinh chỉnh lại Form nhưng không nhìn thấy dữ liệu.

1. **Nội dung chuẩn bị:**

Học sinh cần đọc SGK tin học 12: Bài 5, Bài tập và thực hành số 3 của Chương 2; Bài 6 của Chương 2 và xem clip bài giảng theo đường link.

Vận dụng kiến thức đã đọc và xem clip để làm các câu trắc nghiệm.

1. **Bài tập tự luyện:**

***Câu 1:*** Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, muốn lọc theo ô dữ liệu đang chọn, ta sử dụng nút lệnh

A. Nhấn nút 

B. Nhấn nút 

C. Nhấn nút 

D. Cả B và C đều đúng.

***Câu 2:*** Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, muốn lọc theo mẫu, điều kiện được trình bày dưới dạng mẫu, ta sử dụng nút lệnh:

A. Nháy nút 

B. Nhấn nút 

C. Nhấn nút 

D. Dùng B để nhập điều kiện rồi dùng C để thực hiện.

***Câu 3:*** Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, muốn sắp xếp dữ liệu tăng theo trường đang chọn, ta sử dụng nút lệnh:

A. Nhấn nút 

B. Nhấn nút 

C. Nhấn nút 

D. Nhấn nút 

***Câu 4: Cập nhật dữ liệu trên bảng là thực hiện những việc nào?***

A. Thêm, xóa, sửa dữ liệu

B. Tìm kiếm dữ liệu

C. Tạo lập, cập nhật cấu trúc bảng, khai thác

D. Lọc dữ liệu

***Câu 5: Có mấy cách lọc trên bảng***

A. 4 B. 1 C. 3 D. 2

**Câu 6:** Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, muốn thêm 1 bản ghi, trên **ribbon ta** chọn tab:

A. CREATE và nhấn nút  của nhóm Records

B. **HOME** và nhấn nút  của nhóm Records

C.  **HOME** và nhấn nút **** của nhóm Records

D. CREATE và nhấn nút  của nhóm Records

**Câu 7:** Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, muốn xóa 1 bản ghi, trên **ribbon ta** chọn tab:

A. CREATE và nhấn nút  của nhóm Records

B. **HOME** và nhấn nút  của nhóm Records

C.  **HOME** và nhấn nút **** của nhóm Records

D. CREATE và nhấn nút  của nhóm Records

**Câu 8:** Chọn phát biểu đúng:

**A.** Các bản ghi đã được lọc trong bảng sẽ mất đi khi đóng bảng

**B.** Dùng lọc để tìm các bản ghi trong bảng phù hợp với điều kiện chọn.

**C.** Khi lọc những bản ghi không phù hợp với điều kiện chọn sẽ bị xóa.

**D.** Phát biểu B và C đều đúng.

***Câu 9: Để sắp xếp các bản ghi tăng dần theo cột nào đó trên bảng đang được mở, ta sẽ thực hiện thao tác:***

A. Chọn cột cần sắp xếp, chọn http://localhost/test/images/Tin/12/H5_1.png Ascending trên tab home

B. Chọn cột cần sắp xếp, chọn http://localhost/test/images/Tin/12/H5_4.png Advanced trên tab home

C. Chọn cột cần sắp xếp, chọn http://localhost/test/images/Tin/12/H5_3.png Filter By Form trên tab home

D. Chọn cột cần sắp xếp, chọn http://localhost/test/images/Tin/12/H5_2.png Descending trên tab home

***Câu 10: Lệnh nào là công cụ tìm kiếm***

A. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_9.png Find B. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_10.png Clear All Filters

C. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_11.png Delete record D. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_12.png Bold

***Câu 11: Trong lọc by selection thì lệnh Equals ý nghĩa là***

A. Tìm nội dung trong field chọn bằng nội dung chọn

B. Tìm nội dung trong field chọn chứa nội dung chọn

C. Lọc nội dung trong field chọn chứa nội dung chọn

D. Lọc nội dung trong field chọn bằng nội dung chọn

***Câu 12: Trong lọc by selection thì lệnh Contains ý nghĩa là***

A. Lọc nội dung trong field chọn bằng nội dung chọn

B. Lọc nội dung trong field chọn chứa nội dung chọn

C. Tìm nội dung trong field chọn chứa nội dung chọn

D. Tìm nội dung trong field chọn bằng nội dung chọn

***Câu 13: Lệnh di chuyển tới record đứng sau record hiện tại là:***

A. Go to First record B. Go to Next record

C. Go to Last record D. Go to Previous record

***Câu 14: Trong access, bảng ở chế độ trang dữ liệu có thể thực hiện được những thao tác nào?***

A. Cập nhật và khai thác dữ liệu

B. Cập nhật dữ liệu, sắp xếp, tìm và lọc dữ liệu

C. Thêm, xóa dữ liệu, sắp xếp, tìm và lọc dữ liệu

D. Thêm xóa sửa dữ liệu

***Câu 15: Lệnh di chuyển tới record đứng trước record hiện tại là:***

A. Go to First record B. Go to Next record

C. Go to Last record D. Go to Previous record

***Câu 16: Lệnh nào dùng để lọc theo biểu mẫu***

A. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_13.png Replace B. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_3.png Filter By Form

C. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_9.png Find D. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_10.png Clear All Filters

***Câu 17: Lệnh nào dùng để tìm và thay thế nội dung***

A. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_10.png Clear All Filters

B. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_13.png Replace

C. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_9.png Find

D. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_3.png Filter By Form

***Câu 18: Lệnh nào dùng để sắp xếp bản ghi trong bảng***

A. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_2.png Descending B. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_9.png Find

C. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_10.png Clear All Filters D. http://localhost/test/images/Tin/12/H5_4.png Delete

***Câu 19: Lệnh di chuyển tới record đứng cuối cùng là:***

A. Add New record B. Go to The end

C. Go to Last record D. Go to First record